TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh Phúc**

Bản án số: 24/2025/HS-ST
Ngày: 24-4-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Rmah HThuyên
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Do
2. Ông Lưu Thông

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Hải-Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bưởi-Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 85/2024/TLST-HS ngày 09 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 01 năm 2025 đối với bị cáo:

Trương Văn Đ -Giới tính: Nam; Sinh ngày 12 tháng 6 năm 1984 tại Hải Dương; Nơi cư trú: Tổ A, Khu B, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Thẻ CCCD: 030084010760; Con ông Trương Công L và bà Vũ Thị Đ1 (đã chết); Trước đây bị cáo có vợ tên là Nguyễn Thu T (sinh năm 1987) nhưng hiện nay đã ly hôn. Bị cáo có một người con sinh năm 2006, hiện đang sinh sống cùng với mẹ tại huyện K, tỉnh Thái Bình.

Ngày 11/3/2020, có hành vi trộm cắp tài sản. Đến ngày 20/5/2020, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ khởi tố vụ án. Ngày 15/12/2023, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ khởi tố bị cáo và ra quyết định truy nã.

Ngày 19/8/2016, bị Công an thành phố H ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 226/QĐ-XPHC về hành vi tàng trữ trái phép chất ma tuý, hình thức xử phạt: Phạt tiền (Đã chấp hành). Ngày 08/02/2024, bị bị Công an thành phố H ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 131/QĐ-XPHC về hành vi đánh bạc, hình thức xử phạt: Phạt tiền (Đã chấp hành).

Ngày 09/8/2006, bị Toà án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội *"Cưỡng đoạt tài sản"* tại Bản án số 266/2006/HSST. Bị cáo chưa thi hành khoản án phí (Chưa xoá án tích).

Ngày 23/12/2008, bị Toà án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 42 tháng tù về tội *"Cướp tài sản"* tại Bản án số 375/2008/HSST, tổng hợp hình phạt với Bản án số 266/2006/HSST ngày 09/8/2006 là 57 tháng tù. Bị cáo chấp hành án tại Trại giam Q đến ngày 30/8/2010 thì được đặc xá (Đã xoá án tích).

Ngày 24/7/2012, bị Toà án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 42 tháng tù về tội "*Cưỡng đoạt tài sản"* tại Bản án số 179/2012/HSST. Bị cáo chấp hành án tại Trại giam Q đến ngày 14/3/2015 thì chấp hành xong hình phạt tù (Đã xoá án tích)

Ngày 30/9/2021, bị Toà án nhân dân thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội xử phạt 12 tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản"* tại Bản án số 97/2021/HSST. Bị cáo chấp hành án tại Trại giam S1 Cục Cảnh sát quản lý trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường G đến ngày 02/6/2022 thì chấp hành xong hình phạt tù.

Ngày 16/12/2024, bị Toà án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 30 tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản"* tại Bản án số 307/2024/HSST. Hiện bị cáo chấp hành án tại Trại giam T2-Cục C2-Bộ C3. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Tiền sự: Không.

Tiền án: 01 tiền án.

- *Bị hại:*

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm: 1979; trú tại: Thôn H, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

-Người làm chứng:

1. Ông Bùi Văn Đ2, sinh năm 1982; Thôn H, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.
2. Ông Lý Công Đ3, sinh năm 1981; Thôn H, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Văn Đ và chị Phạm Thị H1 (sinh năm 1972, trú tại xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình) có mối quan hệ tình cảm với nhau. Tháng 01/2020, Đặng cùng chị H1 đi từ tỉnh Thái Bình đến nhà em họ của chị H1 là anh Bùi Văn Đ2 (sinh năm 1982) tại thôn H, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai để chơi. Sau đó, chị H1 đi về còn Đặng ở lại nhà anh Đ2 phụ giúp làm dịch vụ mai táng, đến ngày 30/01/2020 thì Đ về quê ăn tết. Tháng 3/2020, Đặng đi từ tỉnh Thái Bình vào nhà anh Đ2 nhưng lúc này gia đình anh Đ2 đang ở quê nên một mình Đ ở lại.

Ngày 09/3/2020, Đ đến nhà anh Lý Công Đ3 (sinh năm 1981, trú tại thôn H, xã K) để nhậu, đến khoảng 14 giờ cùng ngày thì nghỉ, anh Đ3 điều khiển xe mô tô chở Đ về nhà anh Đ2 còn anh Đ3 đi về. Sau đó, Đ đi bộ đến tiệm tạp hoá ở chợ H3 để mua thuốc lá rồi đi về

nhà anh Đ2. Trên đường đi về, Đặng thấy nhà chị Nguyễn Thị Ngọc H (sinh năm 1979) không khoá cổng, trong sân có một chiếc xe mô tô biển số 81B2-00447 không có người trông coi nên Đặng nảy S ý định trộm cắp xe mô tô này, Đặng đi vào trong sân thấy chìa khoá vẫn để trên xe nên đã bật chìa khoá rồi dắt xe ra cổng. Lúc này, chị H đang dọn dẹp ở phía sau nhà, nghe tiếng động phía trước nhà nên đi lên kiểm tra thì thấy Đ đang dắt xe mô tô ra đường (phía ngoài cổng), chị H hô "*Cướp, cướp*", Đặng luống C ngã xe rồi dựng xe, nổ máy và điều khiển xe về hướng thị trấn Đ. Sau đó, Đặng đón xe khách và đưa xe mô tô này về nhà chị H1 tại tỉnh Thái Bình. Ngày 11/3/2020, chị H làm đơn trình báo cơ quan Công an.

Ngày 17/3/2020, sau khi phát hiện xe mô tô này do Đặng trộm C1 mà có thì chị H1 đã gửi xe mô tô trên và nhờ anh Đ2 nhận rồi giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ để trả lại cho bị hại.

Trong quá trình điều tra, không xác định bị cáo đang ở đâu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã ra Quyết định truy nã đối với Trương Văn Đ. Ngày 23/8/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H, tỉnh Quảng Ninh thông báo đã lập Biên bản bắt người đang bị truy nã đối với Trương Văn Đ, hiện Đ đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q trong vụ án khác.

Tại Kết luận định tài sản số 38/KL-HĐĐGTS ngày 25/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ kết luận: *01 xe mô tô biển số 81B2-00447, hiệu Yamaha loại Sirius màu xanh đen (mua năm 2016 với giá 22.500.000 đồng) trị giá 13.500.000 đồng*

Vật chứng liên quan trong vụ án gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Sirius màu xanh đen, biển số 81B2-00447. Qua điều tra, xác định xe mô tô này do anh Dương Văn T1 (sinh năm 1977, trú tại thôn H, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai) là chồng của chị Huỳnh Thị Ngọc H2 đứng tên chủ sở hữu nhưng đã giao lại cho chị H2 quản lý, sử dụng nên sau khi định giá, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã xử lý vật chứng trả lại cho chị H2.

Về dân sự: Bị hại đã nhận lại xe mô tô biển số 81B2-00447 nên không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại bản cáo trạng số 03/CT-VKS ngày 02-12-2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Trương Văn Đ về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự;

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Trương Văn Đ với mức án từ 18 (Mười tám) tháng tù đến 24 (Hai mươi bốn) tháng tù và đề nghị tổng hợp hình phạt với Bản án số số 307/2024/HS-ST ngày 16/12/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh theo quy định của pháp luật.

Về dân sự: Không.

Xử lý vật chứng: Không;

Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị tuyên buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Bị cáo nhận thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định:

Vào ngày 11/3/2020 tại thôn H, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu, Trương Văn Đ đã thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô biển số 81B2-00447 của chị Huỳnh Thị Ngọc H2 trị giá 13.500.000 đồng.

Hành vi trộm cắp tài sản của người khác do bị cáo Trương Văn Đ thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm trật tự trị an xã hội. Tài sản mà bị cáo chiếm đoạt có trị giá là 13.500.000 đồng nên hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "*Trộm cắp tài sản"* quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3]. Xét về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, đã từng nhiều lần bị Tòa án xét xử về các tội xâm phạm sở hữu và có một tiền án chưa được xoá án tích nhưng vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo phải bị xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật tương xứng với tính chất mức độ và hậu quả do bị cáo gây ra để cải tạo, giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo. Vì vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử sẽ xem xét, áp dụng giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4]. Về dân sự: Bị hại đã nhận lại xe mô tô biển số 81B2-00447 nên không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về vật chứng: Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Sirius màu xanh đen, biển số 81B2-00447. Qua điều tra, xác định xe mô tô này do anh Dương Văn T1 (sinh năm 1977, trú tại thôn H, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai) là chồng của chị Huỳnh Thị Ngọc H2 đứng tên chủ sở hữu nhưng đã giao lại cho chị H2 quản lý, sử dụng nên sau khi định giá, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã xử lý vật chứng trả lại cho chị H2. Do vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6]. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trương Văn Đ phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Trương Văn Đ 18 (Mười tám) tháng tù.

Áp dụng Điều 56 của Bộ luật hình sự, tổngvới hình phạt 30 (Ba mươi) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" của Bản án số 307/2024/HS-ST ngày 16/12/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là ***04 (B) năm tù***, thời hạn tù tính từ ngày 24/4/2024.

2. Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội;

Buộc bị cáo Trương Văn Đ phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm. Đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đ;
- Cơ quan CSĐT;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Gia Lai;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Rmah HThuyên